

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2025/DS-ST.

Ngày: 09-12-2025.

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Hồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Đức Lập, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 597/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 479/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Trịnh Văn H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 215B đường V, khu phố 4, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Võ Thị Hồng H1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 50 đường Đ, khu phố 6, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Võ Thanh P, sinh năm 1979.

2.2. Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông H có mặt; bà H1 xin vắng mặt;

Ông P và bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 trình bày:

Đại lý H Sang của vợ chồng ông bà có bán thức ăn thủy sản cho ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N.

Khoản nợ này là phần còn lại của khoản nợ 2.050.000.000 đồng mà Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông đã ghi nhận sự thỏa thuận giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông P, quá trình thi hành án vợ chồng ông P đã thi hành xong 1.350.000.000 đồng, số còn lại là 700.000.000 đồng.

Do vợ chồng ông P có thỏa thuận xin trả dần đối với khoản nợ 700.000.000 đồng này nên chúng ông đã rút hồ sơ thi hành án lại.

Ngày 19/5/2024, giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông P đã lập biên bản xác nhận công nhận đối với số tiền 700.000.000 đồng và có biên bản thỏa thuận việc thanh toán số tiền 700.000.000 đồng làm 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Thanh toán số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 12/12/2024.

Lần 2: Thanh toán số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 12/12/2025.

Lần 3: Thanh toán số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 12/12/2026.

Ngoài ra, vợ chồng ông P còn phải chịu lãi suất 1,5% trên số tiền nợ 700.000.000 đồng nếu không thực hiện theo đúng thỏa thuận trả nợ ngày 19/5/2024.

Tuy nhiên, đến hạn thanh toán tiền lần 1 nhưng vợ chồng ông P không thực hiện theo thỏa thuận mặc dù vợ chồng ông đã yêu cầu vợ chồng ông P thực hiện nghĩa vụ trả nợ rất nhiều lần.

Hiện nay, ông P và bà N vẫn còn nợ vợ chồng ông số tiền 700.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông P và bà N trả số tiền 700.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,5% từ ngày 19/5/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án, tạm tính đến ngày khởi kiện là 08 tháng với số tiền 84.000.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Thanh P trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Trịnh Văn H đã trình bày về quá trình nợ từ 2.050.000.000 đồng còn lại 700.000.000 đồng.

Chữ ký tại biên bản xác nhận công nợ ngày 19/5/2024 và biên bản thỏa thuận ngày 19/5/2024 là do ông ký tên và ông ký tên dùm cho tên của vợ ông.

Từ ngày 19/5/2024 cho đến nay ông vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho ông H, bà H1 và vẫn còn nợ lại số tiền 700.000.000 đồng.

Nay hoàn cảnh ông không có khả năng trả một lần nên ông xin trả dần số tiền 700.000.000 đồng, mỗi năm trả 150.000.000 đồng, thực hiện vào ngày 30/9/2026 cho đến khi xong nợ.

Đối với lãi suất 1,5%/tháng ông H, bà H1 yêu cầu ông không đồng ý, ông xin không trả lãi suất đối với số tiền 700.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trịnh Văn H và Võ Thị Hồng H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N trả tiền mua bán nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H1, ông P và bà N.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại biên bản hòa giải ông H và ông P thống nhất ngày 19/5/2024 ông P và bà N còn nợ lại ông H và bà H1 số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi là 700.000.000 đồng và có biên bản thỏa thuận việc thanh toán số tiền 700.000.000 đồng làm 03 lần, cụ thể như sau: Lần 1: Thanh toán số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 12/12/2024; lần 2: Thanh toán số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 12/12/2025; lần

3: Thanh toán số tiền 250.000.000 đồng vào ngày 12/12/2026. Do ông P và bà N không thực hiện theo thỏa thuận nên ông H và bà H1 khởi kiện và đã cung cấp giấy biên bản thỏa thuận ngày 19/5/2024 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Phía bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy bà N đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Do đó, có cơ sở xác định ông P và bà N còn nợ ông H và bà H1 số tiền 700.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Ông H, bà H1 yêu cầu ông P, bà N trả lãi suất của số tiền 700.000.000 đồng từ ngày 12/12/2024 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện theo mức lãi suất 1,5% là có cơ sở vì căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 19/5/2024 vợ chồng ông P còn phải chịu lãi suất 1,5% trên số tiền nợ 700.000.000 đồng nếu không thực hiện theo đúng thỏa thuận trả nợ ngày 19/5/2024 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà H1 và lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, lãi suất từ ngày 12/12/2024 đến ngày 09/12/2025 được tính là $700.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 114.750.000 \text{ đồng}$ nên buộc ông P, bà N phải trả cho ông H, bà H1 cả vốn và lãi là 814.750.000 đồng.

[3.3] Về thời gian trả tiền: Ông H, bà H1 yêu cầu ông P, bà N trả số tiền 814.750.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật và ông P xin trả dần mỗi năm 150.000.000 đồng thực hiện vào ngày 30/9/2026 cho đến khi xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy ông P, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của ông H, bà H1 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, bà H1 không đồng ý cho ông P, bà N trả dần mỗi năm 150.000.000 đồng thực hiện vào ngày 30/9/2026 cho đến khi xong nợ. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông P, bà N trả cho ông H, bà H1 số tiền 814.750.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1 được Tòa án chấp nhận nên ông P, bà N phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1.

Buộc ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 số tiền 824.950.000 đồng (Tám trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N không trả số tiền trên thì hàng tháng ông P và bà N phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 36.748.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 17.680.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002930 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Báo đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

